

SINH VIÊN THỰC HIỆN: **Nguyễn Nhật Tú**

MÃ SỐ SINH VIÊN: **2209620490**

LỚP: **2622CNT06**

GV PHỤ TRÁCH: **Th.S Trần Thị Huê**

**Hà Nội, tháng 12 năm 2024**

**BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**XÂY DỰNG WEBSITE TIN TỨC TNEWS**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | |
|  | *Hà Nội, Ngày ..... tháng ..... năm 20....* |

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

**Họ tên sinh viên (nhóm):**

**Lớp-khóa:**

**Cơ quan / Doanh nghiệp tiếp nhận:**

**Địa chỉ:**

Ngày bắt đầu:

Ngày kết thúc:

Nội dung thực tập:

1. **Nhận xét của cơ quan / Đơn vị về chất lượng công việc được giao:**

*Các công việc được giao:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Hoàn thành xuất sắc | * Khá | * Yếu |
| * Tốt | * Trung bình |  |

*Hoàn tất công việc được giao:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Hoàn thành đúng | * Thỉnh thoảng đúng | * Không đúng thời hạn |

*Tính hữu ích của đợt thực tập với cơ quan*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Giúp ích nhiều | * Giúp ích ít | * Không giúp ích mấy cho cơ quan |

1. **Nhận xét của cơ quan / Đơn vị về bản thân sinh viên:**
   1. *Năng lực chuyên môn được sử dụng vào công việc được giao ở mức:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * Giỏi | * Khá | * Trung bình | * Yếu |

* 1. *Tinh thần, thái độ đối với công việc được giao:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Tích cực | * Bình thường | * Thiếu tích cực |

* 1. *Đảm bảo kỷ luật lao động (giờ giấc lao động, nghỉ làm,...):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Tốt | * Trung bình | * Kém |

* 1. *Thái độ đới với cán bộ, công nhân viên trong Cơ quan / Đơn vị:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Hòa đồng | * Không có gì đáng nói | * Rụt rè |

* 1. *Khả năng sử dụng phần mềm văn phòng (office):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * Giỏi | * Khá | * Trung bình | * Yếu |

* 1. *Khả năng sử dụng ngoại ngữ (nếu có):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * Giỏi | * Khá | * Trung bình | * Yếu |

1. **Nhu cầu nhân lực của cơ quan (kiến thức, kỹ năng, số lượng):**

1. **Các nhận xét khác (nếu có):**

1. **Đánh giá:**
2. Điểm chuyên cần, tác phong và đạo đức (Đạt/Không đạt):
3. Điểm chuyên môn (Đạt/Không đạt):

|  |  |
| --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện**  (*Ký và ghi rõ họ tên*) | **Nhận xét của anh/chị phụ trách tại DN**  (*Ký và ghi rõ họ tên*) |

**KẾ HOẠCH THỰC TẬP**

Phần 1: Dành cho làm cá nhân (bỏ phẩn 2)

Họ và tên SV:

Lớp-khóa:

MSSV:

Số ĐT: Emai

**Danh sách thành viên nhóm:**

Phần 2: Dành cho làm nhóm (bỏ phẩn 1)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Điện thoại** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**1. Nội dung thực tập (tên đề tài):**

**2. Nhiệm vụ cá nhân:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3. Kế hoạch thực hiện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày thực hiện** | **Công việc triển khai cụ thể** | **Kết quả đạt được *(theo tỷ lệ %)*** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH HỆ THỐNG**

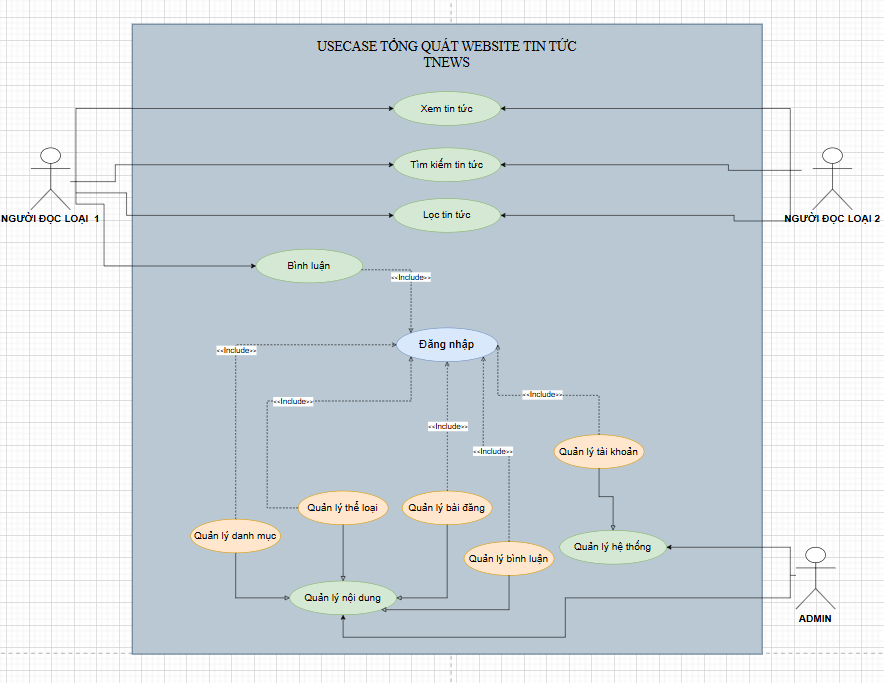
**2.1. Tổng quan về chức năng**

**2.1.1. Xây dựng biểu đồ usecase tổng quát**

- Danh sách tác nhân người sử dụng hệ thống

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Tác nhân** | **Mô tả chức năng** |
|  | **Admin** | **Quyền đăng nhập, truy cập:**  - Luôn luôn phải là quyền truy cập cao nhất để quản lý và duy trì hệ thống  **Quản lý hệ thống:**  - Quản lý tài khoản và mật khẩu  **Quản lý nội dung:**  - Quản lý bài đăng  - Quản lý thể loại  - Quản lý danh mục  - Quản lý bình luận |
| **Người đọc loại 1** | - Đăng nhập, đăng ký  - Xem tin tức  - Tìm kiếm tin tức  - Lọc tin tức  - Bình luận |
| **Người đọc loại 2** | - Xem tin tức  - Tìm kiếm tin tức  - Lọc tin tức |

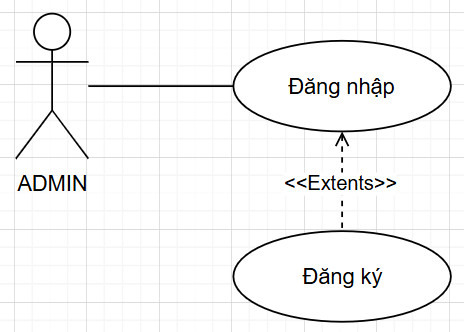
- Sơ đồ usecase tổng quát hệ thống website tin tức Tnews:



Hình 2.1.1. Sơ đồ usecase tổng quát hệ thống Website tin tức Tnews

2.1.2. Xây dựng biểu đồ usecase phân rã

2.1.2.1. Biểu đồ usecase phân rã Đăng nhập (Admin):

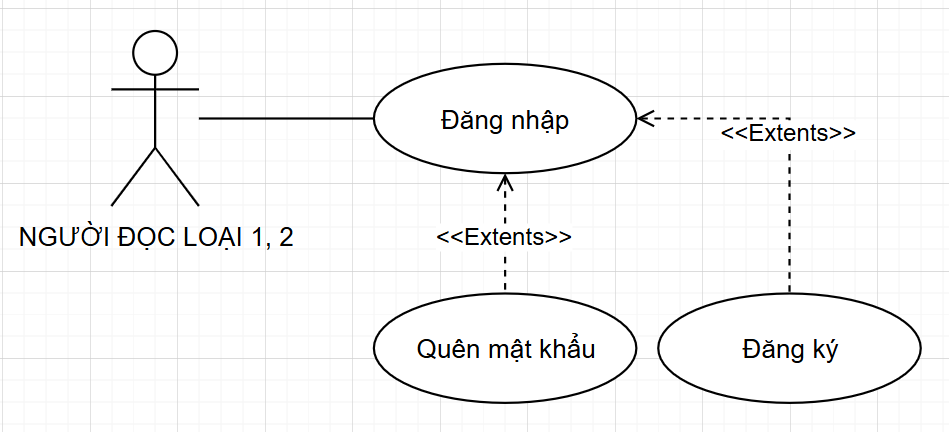


Hình 2.1.2.1. Biểu đồ usecase phân rã Đăng nhập (Admin)

- Đặc tả use case Đăng nhập (Admin):

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Đăng nhập vào hệ thống quản lý |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép Admin đăng nhập vào hệ thống Website tin tức Tnews bằng cách chọn quyền rồi nhập tên đăng nhập và mật khẩu |
| Điều kiện đầu vào | - Hệ thống Website phải ở trạng thái đăng nhập và được hiển thị trên màn hình  - Admin phải chọn đúng quyền để đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Nếu thông tin đăng nhập hợp lệ 🡪 Admin sẽ chuyển được đến trang quản lý của Webstie  - Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ 🡪 Admin không chuyển đến được trang quản lý của Website, đồng thời hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu Admin mở trang đăng nhập hệ thống hiển thị form đăng nhập  2. Admin chọn quyền, nhập tài khoản và mật khẩu vào form đăng nhập  3. Nhấn nút “ Đăng nhập”  4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đăng nhập (quyền, tên tài khoản và mật khẩu)  5. Hệ thống xác nhận thông tin đăng nhập với cơ sở dữ liệu  6. Thông tin hợp lệ thì:  - Hệ thống xác định quyền truy cập chính xác  - Hệ thống chuyển đến trang quản lý  7. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin đăng nhập thành công và điều hướng đến trang quản lý |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ 1: Admin nhập thiếu thông tin đăng nhập  - Hệ thống báo lỗi (bạn chưa điền đầy đủ thông tin đăng nhập) 🡪 quay lại bước 2 của luồng sự kiện chính  Luồng sự kiện phụ 2: Admin bị sai thông tin đăng nhập  - Hệ thống báo lỗi “Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng” 🡪 quay trở lại bước 2 của luồng sự kiện chính |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đăng nhập thành công:  - Chuyển đến trang quản trị  2. Đăng nhập không thành công (tên đăng nhập hoặc mật khẩu sai):  - Thông điệp: “Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”  - Hành động:  + Hiển thị thông báo lỗi trên trang đăng nhập  + Cho phép Admin nhập lại thông tin đăng nhập |

2.1.2.2. Biểu đồ usecase phân rã Đăng nhập (Người đọc):

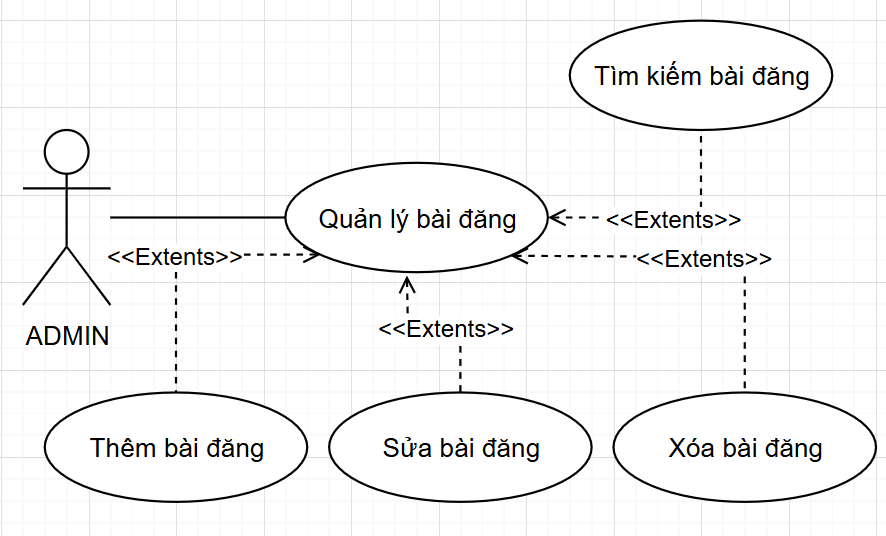


Hình 2.1.2.2. Biểu đồ usecase phân rã Đăng nhập (Người đọc)

- Đặc tả use case Đăng nhập (Người đọc):

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Đăng nhập vào trang người đọc |
| Actor | - Người đọc loại 1 |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép người đọc đăng nhập vào hệ thống Website tin tức Tnews bằng cách nhập tên đăng nhập và mật khẩu |
| Điều kiện đầu vào | - Hệ thống Website phải ở trạng thái đăng nhập và được hiển thị trên màn hình  - Người đọc phải có tài khoản hợp lệ |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Nếu thông tin đăng nhập hợp lệ 🡪 Người đọc sẽ chuyển được đến trang chính của Webstie  - Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ 🡪 Người đọc không chuyển đến được trang chính của Website, đồng thời hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người đọc nhập lại thông tin |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu người đọc mở trang đăng nhập hệ thống hiển thị form đăng nhập  2. Người đọc nhập tài khoản và mật khẩu vào form đăng nhập  3. Nhấn nút “ Đăng nhập”  4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đăng nhập (tên tài khoản và mật khẩu)  5. Hệ thống xác nhận thông tin đăng nhập với cơ sở dữ liệu  6. Thông tin hợp lệ thì:  - Hệ thống xác định quyền truy cập chính xác  - Hệ thống chuyển đến trang chính của Website  7. Kết thúc: Usecase kết thúc khi người đọc đăng nhập thành công và điều hướng đến trang chính của Website |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ 1: Người đọc nhập thiếu thông tin đăng nhập  - Hệ thống báo lỗi (bạn chưa điền đầy đủ thông tin đăng nhập) 🡪 quay lại bước 2 của luồng sự kiện chính  Luồng sự kiện phụ 2: Người đọc bị sai thông tin đăng nhập  - Hệ thống báo lỗi “Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng” 🡪 quay trở lại bước 2 của luồng sự kiện chính |
| Điểm mở rộng | Mở rộng 1: Người đọc có thể đăng ký tài khoản khi chưa có tài khoản đăng nhập   * Người đọc chọn yêu cầu đăng ký * Hệ thống hiển thị form đăng ký * Người đọc nhập đầy đủ thông tin vào form đăng ký và ấn nút “Đăng ký”   Mở rộng 2: Người đọc có thể ấn quên mật khẩu và yêu cầu tạo lại mật khẩu mới  - Người đọc ấn vào mục quên mật khẩu  - Hệ thống hiển thị form điền thông tin và mục nhập mật khẩu mới  - Người đọc điền đầy đủ thông tin |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đăng nhập thành công:  - Chuyển đến trang chính của Website  2. Đăng nhập không thành công (tên đăng nhập hoặc mật khẩu sai):  - Thông điệp: “Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng”  - Hành động:  + Hiển thị thông báo lỗi trên trang đăng nhập  + Cho phép người đọc nhập lại thông tin đăng nhập |

2.1.2.3. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý bài đăng:

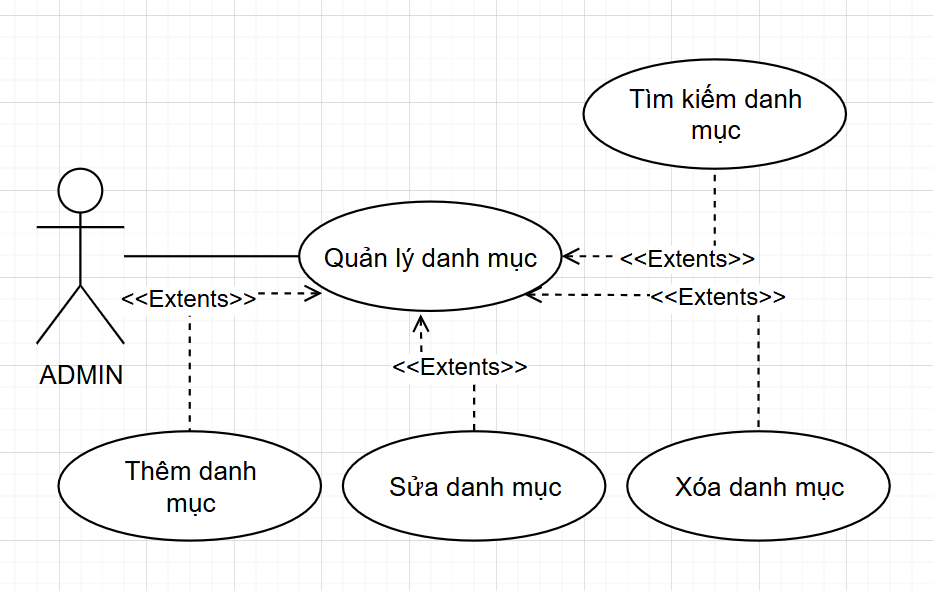


Hình 2.1.2.3. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý bài đăng

- Đặc tả usecase Quản lý bài đăng:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Quản lý bài đăng |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép admin quản lý các bài đăng  - Admin có thể thêm sửa xóa bài đăng |
| Điều kiện đầu vào | - Admin buộc phải đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Bài đăng mới được thêm vào hệ thống  - Bài đăng hiện có được cập nhật với thông tin mới  - Bài đăng không nhu cầu được xóa khỏi hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi admin mở trang quản lý bài đăng  2. Hệ thống hiển thị danh sách các bài đăng hiện có  3. Admin chọn thao tác muốn thực hiện  - Thêm bài đăng mới  - Chỉnh sửa bài đăng đang có  - Xóa bài đăng  Thêm bài đăng mới:  3.1. Admin chọn “Thêm bài đăng mới”  3.2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin bài đăng mới  3.3. Admin nhập thông tin bài đăng (tiêu đề, nội dung tóm tắt, nội dung chi tiết, thể loại, ảnh hoặc video)  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu bài đăng mới vào cơ sở dữ liệu  Chỉnh sửa bài đăng đang có:  3.1. Admin chọn bài đăng cần chỉnh sửa  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của bài đăng  3.3. Admin cập nhật thông tin cần thiết  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật bài đăng trong cơ sở dữ liệu  Xóa bài đăng:  3.1. Admin chọn bài đăng cần xóa  3.2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa  3.3. Admin xác nhận xóa bài đăng  3.4. Hệ thống xóa bài đăng khỏi cơ sở dữ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin hoàn thành thao tác quản lý bài đăng |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ: Thông tin bài đăng không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa  - Hệ thống báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Thêm mới bài đăng: Bài đăng đã được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị lên trang tin tức  - Chỉnh sửa bài đăng: Bài đăng được cập nhật thông tin mới và hiển thị lên trang tin tức  - Xóa bài đăng: Bài đăng được xóa khỏi cơ sở dũ liệu và không còn hiển thị ở trang tin tức  2. Đầu ra không thành công:  - Thông tin bài đăng không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin  - Lỗi khi thêm, sửa hoặc xóa bài đăng: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không tác động đến cơ sở dữ liệu |

2.1.2.4. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý danh mục:

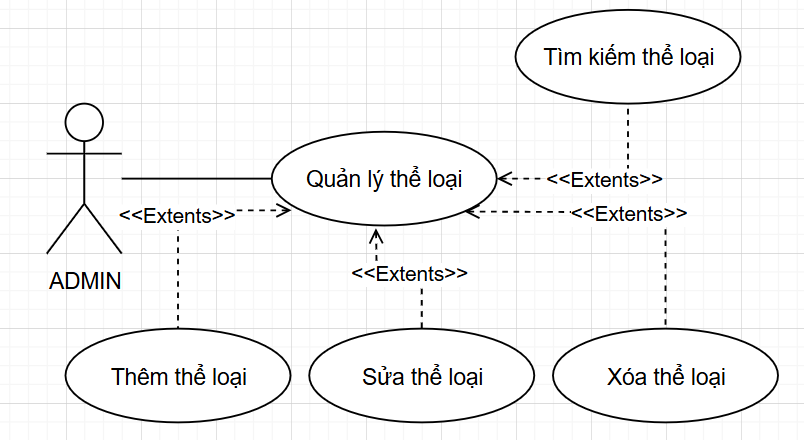


Hình 2.1.2.4. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý danh mục

- Đặc tả usecase Quản lý danh mục:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Quản lý danh mục |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép admin quản lý các danh mục trên hệ thống Web tin tức. Các thao tác bao gồm thêm sửa hoặc xóa các danh mục, tìm kiếm danh mục và xem |
| Điều kiện đầu vào | - Admin buộc phải đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Danh mục mới được thêm vào hệ thống  - Danh mục đang có được cập nhật với thông tin mới  - Danh mục không nhu cầu được xóa khỏi hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi admin mở trang quản lý danh mục  2. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục hiện có  3. Admin chọn thao tác muốn thực hiện  - Thêm danh mục mới  - Chỉnh sửa danh mục đang có  - Xóa danh mục  Thêm danh mục mới:  3.1. Admin chọn “Thêm danh mục mới”  3.2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin danh mục mới  3.3. Admin nhập thông tin danh mục (tên danh mục)  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu danh mục mới vào cơ sở dữ liệu  Chỉnh sửa danh mục đang có:  3.1. Admin chọn danh mục cần chỉnh sửa  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của danh mục  3.3. Admin cập nhật thông tin cần thiết  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật danh mục trong cơ sở dữ liệu  Xóa danh mục:  3.1. Admin chọn danh mục cần xóa  3.2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa  3.3. Admin xác nhận xóa danh mục  3.4. Hệ thống xóa danh mục khỏi cơ sở dữ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin hoàn thành thao tác quản lý danh mục |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ: Thông tin danh mục không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa  - Hệ thống báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Thêm mới danh mục: Danh mục đã được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị trong thanh menu  - Chỉnh sửa danh mục: Danh mục được cập nhật thông tin mới và hiển thị trong thanh menu  - Xóa danh mục: Danh mục được xóa khỏi cơ sở dũ liệu và không còn hiển thị trong thanh menu  2. Đầu ra không thành công:  - Thông tin danh mục không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin  - Lỗi khi thêm, sửa hoặc xóa danh mục: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không tác động đến cơ sở dữ liệu |

2.1.2.5. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý thể loại:

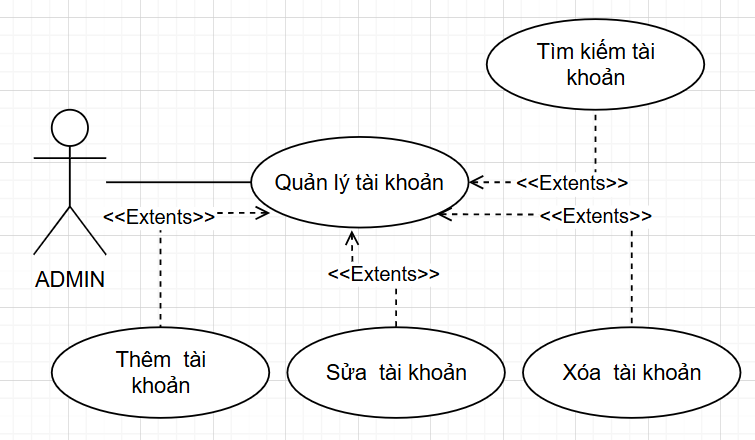


Hình 2.1.2.5. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý thể loại

- Đặc tả usecase Quản lý thể loại:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Quản lý thể loại |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép admin quản lý các thể loại trên hệ thống Web tin tức. Các thao tác bao gồm thêm sửa hoặc xóa các thể loại, tìm kiếm thể loại và xem |
| Điều kiện đầu vào | - Admin buộc phải đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Thể loại mới được thêm vào hệ thống  - Thể loại đang có được cập nhật với thông tin mới  - Thể loại không nhu cầu được xóa khỏi hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi admin mở trang quản lý thể loại  2. Hệ thống hiển thị danh sách các thể loại hiện có  3. Admin chọn thao tác muốn thực hiện  - Thêm thể loại mới  - Chỉnh sửa thể loại đang có  - Xóa thể loại  Thêm thể loại mới:  3.1. Admin chọn “Thêm thể loại mới”  3.2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin thể loại mới  3.3. Admin nhập thông tin thể loại (tên thể loại)  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu thể loại mới vào cơ sở dữ liệu  Chỉnh sửa thể loại đang có:  3.1. Admin chọn thể loại cần chỉnh sửa  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của thể loại  3.3. Admin cập nhật thông tin cần thiết  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật thể loại trong cơ sở dữ liệu  Xóa thể loại:  3.1. Admin chọn thể loại cần xóa  3.2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa  3.3. Admin xác nhận xóa thể loại  3.4. Hệ thống xóa thể loại khỏi cơ sở dữ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin hoàn thành thao tác quản lý thể loại |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ: Thông tin thể loại không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa  - Hệ thống báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Thêm mới thể loại: Thể loại đã được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị trong thanh menu  - Chỉnh sửa thể loại: Thể loại được cập nhật thông tin mới và hiển thị trong thanh menu  - Xóa thể loại: Thể loại được xóa khỏi cơ sở dữ liệu và không còn hiển thị trong thanh menu  2. Đầu ra không thành công:  - Thông tin thể loại không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin  - Lỗi khi thêm, sửa hoặc xóa thể loại: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không tác động đến cơ sở dữ liệu |

2.1.2.6. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý tài khoản:

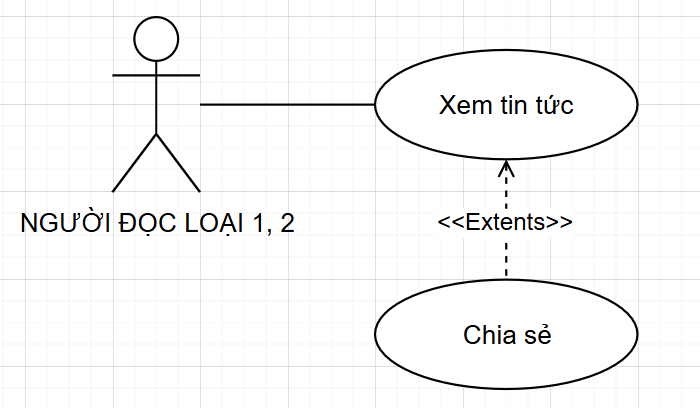


Hình 2.1.2.6. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý tài khoản

- Đặc tả usecase Quản lý tài khoản:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Quản lý tài khoản |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép admin quản lý các tài khoản trên hệ thống Web tin tức. Các thao tác bao gồm thêm sửa hoặc xóa các tài khoản, tìm kiếm tài khoản và xem |
| Điều kiện đầu vào | - Admin buộc phải đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Tài khoản mới được thêm vào hệ thống  - Tài khoản đang có được cập nhật với thông tin mới  - Tài khoản không dùng được xóa khỏi hệ thống |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi admin mở trang quản lý tài khoản  2. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản hiện có  3. Admin chọn thao tác muốn thực hiện  - Thêm tài khoản mới  - Chỉnh sửa tài khoản đang có  - Xóa tài khoản  Thêm tài khoản mới:  3.1. Admin chọn “Thêm tài khoản mới”  3.2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin tài khoản mới  3.3. Admin nhập thông tin tài khoản  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu tài khoản mới vào cơ sở dữ liệu  Chỉnh sửa tài khoản đang có:  3.1. Admin chọn tài khoản cần chỉnh sửa  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của tài khoản  3.3. Admin cập nhật thông tin cần thiết  3.4. Admin nhấn “Lưu”  3.5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật tài khoản trong cơ sở dữ liệu  Xóa thể loại:  3.1. Admin chọn tài khoản cần xóa  3.2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa  3.3. Admin xác nhận xóa tài khoản  3.4. Hệ thống xóa tài khoản khỏi cơ sở dữ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin hoàn thành thao tác quản lý tài khoản |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ: Thông tin tài khoản không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa  - Hệ thống báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Thêm mới tài khoản: Tài khoản đã được lưu vào cơ sở dữ liệu và người đọc cần nhớ khi đăng ký tài khoản  - Chỉnh sửa tài khoản: Tài khoản được cập nhật thông tin mới và lưu trong cơ sở dữ liệu khi người đọc vừa thay đổi mật khẩu  - Xóa tài khoản: Tài khoản được xóa khỏi cơ sở dữ liệu khi tài khoản đấy không dùng đến nữa  2. Đầu ra không thành công:  - Thông tin tài khoản không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Admin nhập lại thông tin  - Lỗi khi thêm, sửa hoặc xóa tài khoản: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không tác động đến cơ sở dữ liệu |

2.1.2.7. Biểu đồ usecase phân rã Xem tin tức:

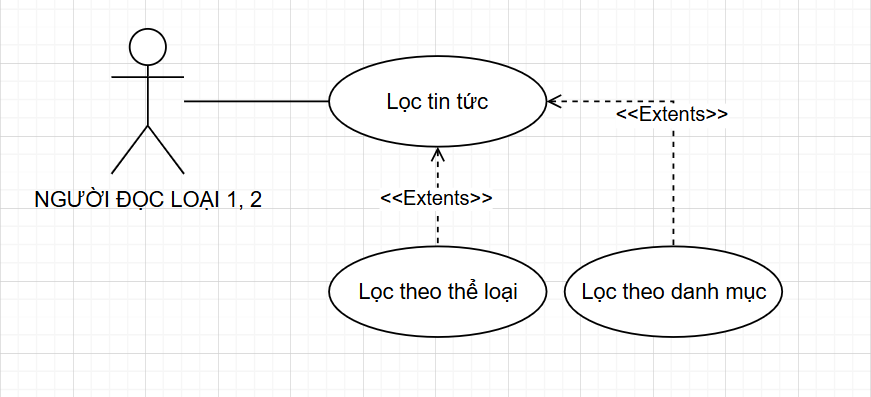


Hình 2.1.2.7. Biểu đồ usecase phân rã Xem tin tức

- Đặc tả usecase Xem tin tức:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Xem tin tức |
| Actor | - Người đọc loại 1, Người đọc loại 2 |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép mọi người đọc truy cập và xem các tin tức đăng trên Website |
| Điều kiện đầu vào | - Người đọc truy cập vào trang TNews  - Hệ thống phải có bài đăng tin tức sẵn  - Người dùng phải có kết nối internet để truy cập vào hệ thống Website tin tức |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Mọi người đọc đều có thể xem đươc tin tức một cách chi tiết bao gồm: tiêu đề, nội dung, ngày đăng, ảnh và thể loại + danh mục  - Web sẽ cập nhật số lượt xem bài đăng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi người dùng vào trang TNews  2. Hệ thống hiển thị danh sách các bài tin tức  3. Người dùng chọn một bài tin để xem chi tiết  4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết bài tin đó  5. Kết thúc: Usecase kết thúc khi người đọc đóng trang TNews |
| Luồng sự kiện phụ | Luồng sự kiện phụ 1: Người đọc tìm kiếm bài tin  - Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào ô tìm kiếm  - Website sẽ hiển thị danh sách các bài tin phù hợp với từ khóa tìm kiếm  Luồng sự kiện phụ 2: Người đọc xem bài tin theo danh mục hoặc thể loại  - Người dùng chọn danh mục hoặc thể loại từ thanh menu  - Website hiển thị danh sách các bài tin thuộc danh mục hoặc thể loại đã chọn |
| Điểm mở rộng | Người dùng có thể chia sẻ bài viết qua mạng xã hội  - Người dùng chọn tùy chọn chia sẻ của bài tin  - Website cung cấp các liên kết chia sẻ trên các nền tảng mạng xã hội như: Facebook, Zalo,…. |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Người dùng xem được nội dung chi tiết của bài tin  - Website ghi lại lượt xem của bài tin viết vào cơ sở dữ liệu để phân tích và thống kê  2. Đầu ra không thành công:  - Nếu gặp lỗi tải bài viết: gửi thông điệp “Có lỗi xảy ra khi tải bài viết. Vui lòng thử lại sau”  - Hành động: Hiển thị thông báo lỗi và cho phép người dùng thử lại |

2.1.2.8. Biểu đồ usecase phân rã Lọc tin tức:

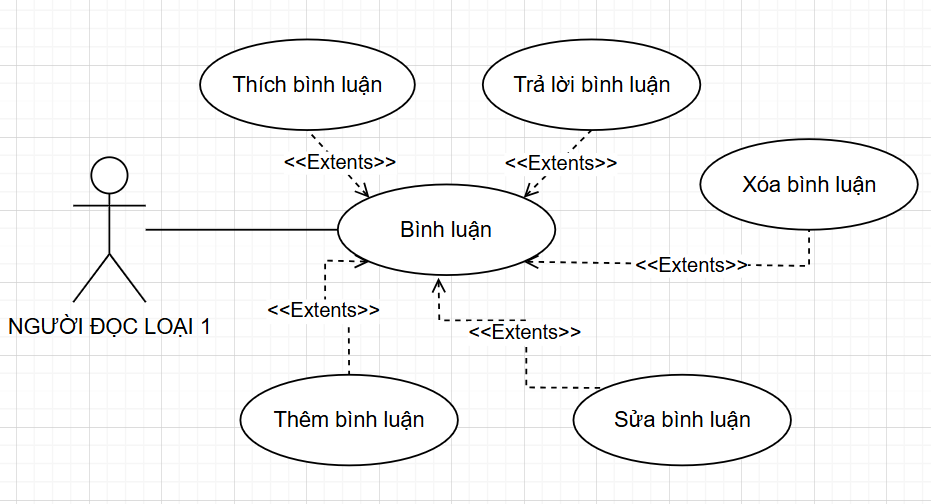


Hình 2.1.2.8. Biểu đồ usecase phân rã Lọc tin tức

- Đặc tả usecase Lọc tin tức:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Lọc tin tức |
| Actor | - Người đọc loại 1, Người đọc loại 2 |
| Mô tả | - Use case này cho phép người đọc lọc các bài tin theo các tiêu chí khác nhau để dễ dàng tìm kiếm và truy cập nội dung mong muốn.  - Người dùng có thể lọc tin tức theo thể loại hoặc danh mục |
| Điều kiện đầu vào | - Người đọc truy cập vào trang TNews  - Hệ thống phải có bài đăng tin tức thuộc thể loại hoặc danh mục người đọc chọn sẵn  - Người dùng phải có kết nối internet để truy cập vào hệ thống Website tin tức |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Website sẽ thực hiện truy xuất các bài tin theo danh mục hoặc thể loại mà người dùng chọn  - Hoặc không hiển thị bài tin phù hợp với tiêu chí lọc |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi người dùng vào trang TNews  2. Người dùng chọn một hoặc nhiều danh mục hay thể loại trên thanh menu  3. Hệ thống truy xuất và lọc bài tin theo tiêu trí đã chọn  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi người đọc đóng trang TNews hoặc tích bỏ lựa chọn |
| Luồng sự kiện phụ | Không có bài viết phù hợp:  - Sau khi chọn thể loại hay danh mục 🡪 Website tìm kiếm bài tin theo thể loại đó  - Nếu không tìm thấy bài tin theo bộ lọc 🡪 Website hiển thị thông báo “Không có bài viết nào thuộc bộ lọc”  - Người dùng có thể chọn lại thể loại khác hay danh mục khác |
| Điểm mở rộng | Lọc theo thể loại:  - Người dùng chọn trên phần menu, trong đó có các thể loại con  - Người dùng chọn một thể loại cụ thể  - Website sẽ lọc và hiển thị các bài tin thuộc thể loại đã chọn  Lọc theo danh mục:  - Người dùng chọn trên phần menu, trong đó có các danh mục con  - Người dùng chọn một hay nhiều danh mục cụ thể  - Website sẽ lọc và hiển thị các bài tin thuộc danh mục đã chọn |
| Điều kiện đầu ra | 1. Đầu ra thành công:  - Hiển thị bài tin đúng thể loại hay danh mục đã chọn |

2.1.2.9. Biểu đồ usecase phân rã Bình luận:

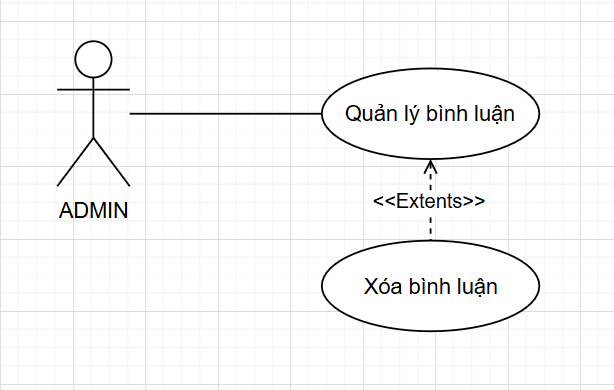


Hình 2.1.2.9. Biểu đồ usecase phân rã Bình luận

- Đặc tả usecase Bình luận:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Bình luận |
| Actor | - Người đọc loại 1 |
| Mô tả | - Use case này cho phép người đọc bình luận dưới các bài tin |
| Điều kiện đầu vào | - Người đọc phải đang đọc một bài tin nào đó trên Website  - Người dùng phải có kết nối internet để truy cập vào hệ thống Website tin tức |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Thêm bình luận dưới bài tin đang đọc  - Sửa bình luận vừa bình luận  - Xóa bình luận vừa bình luận |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi người dùng vào đọc bài tin  2. Người dùng thực hiện bình luận  Thực hiện bình luận:  2.1. Người dùng nhập nội dung cần bình luận và nhấn “Bình luận”  2.2. Hệ thống lưu lên cơ sở dữ liệu  2.3. Hệ thống kiểm tra trên cơ sở dữ liệu rồi hiển thị ra  3. Người dùng bình luận xong có thể chọn hoặc không chọn thao tác sau:  - Sửa bình luận vừa bình luận  - Xóa bình luận vừa bình luận  Sửa bình luận vừa bình luận:  3.1. Người dùng chọn bình luận vừa bình luận  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin vừa bình luận  3.3. Người dùng cập nhật lại bình luận vừa bình luận  3.4. Người dùng nhấn “Thay đổi”  3.5. Hệ thống cập nhật bình luận trong cơ sở dữ liệu  Xóa bình luận vừa bình luận:  3.1. Người dùng chọn bình luận vừa bình luận  3.2. Hệ thống hiển thị thông tin vừa bình luận  3.3. Người dùng xóa bình luận vừa bình luận  3.4. Người dùng nhấn “Xóa”  3.5. Hệ thống xóa bình luận vừa bình luận khỏi cơ sở dũ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi người dùng thoát khỏi bài tin đó |
| Luồng sự kiện phụ | Bình luận không hợp lệ:  - Người dùng để nội dung rỗng hoặc nhập vượt quá giới ký tự trên cơ sở dữ liệu 🡪 hệ thống báo lỗi  Không sửa được bình luận:  - Người dùng sửa bình luận không phải của mình 🡪 hệ thống báo lỗi  - Người dùng sửa bình luận nhưng để nội dung rỗng hoặc nhập vượt quá giới hạn ký tự trên cơ sở dữ liệu 🡪 hệ thống báo lỗi  Không xóa được bình luận:  - Người dùng xóa bình luận không phải của mình 🡪 hệ thống báo lỗi |
| Điểm mở rộng | Thích bình luận:  - Người dùng chọn icon cho bình luận của mọi người hoặc của mình  Trả lời bình luận:  - Người dùng có thể trả lời bình luận của mình hoặc của mọi người |
| Điều kiện đầu ra | Đầu ra thành công:  - Hiển thị đầy đủ và đúng nội dung khi người dọc bình luận hoặc sửa bình luận  - Xóa thành công khi người đọc thực hiện xóa bình luận vừa bình luận |

2.1.2.10. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý bình luận:



Hình 2.1.2.9. Biểu đồ usecase phân rã Quản lý bình luận

- Đặc tả usecase Quản lý bình luận:

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase | - Quản lý bình luận |
| Actor | - Admin |
| Mô tả | - Usecase (hoạt động) này cho phép admin quản lý các bình luận của mọi bài tin. Thao tác là xóa các bình luận tiêu cực |
| Điều kiện đầu vào | - Admin buộc phải đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện hậu nghiệm | - Các bình luận tiêu cực được xóa khỏi trên từng bài tin |
| Luồng sự kiện chính | 1. Bắt đầu: Usecase bắt đầu khi admin mở trang quản lý tài khoản  2. Hệ thống hiển thị danh sách các bình luận của từng bài tin hiện có  3. Admin chọn thao tác thực hiện  - Xóa bình luận  Xóa bình luận:  3.1. Admin chọn bình luận cần xóa  3.2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa  3.3. Admin xác nhận xóa bình luận  3.4. Hệ thống xóa bình luận khỏi cơ sở dữ liệu  4. Kết thúc: Usecase kết thúc khi Admin hoàn thành thao tác quản lý bình luận trên từng bài tin |
| Luồng sự kiện phụ |  |
| Điều kiện đầu ra | Đầu ra thành công:  - Xóa bình luận: bình luận được xóa khỏi cơ sở dữ liệu |